| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN C**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Bản án số: 22/2019/DS-ST.<br>Ngày: 06-8-2019.<br>*V/v tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản* | |

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Ngọc Minh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Mai Hương

2. Ông Phạm Phước Tâm

- *Thư ký phiên toà*: Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 06/8/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2019/TLST-DS, ngày 05 tháng 4 năm 2019 về việc: "Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2019/QĐXXST-DS ngày 27/6/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2019/QĐST – DS ngày 15/7/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Hoàng H1, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số 165 Phan Bội Châu, khóm 1, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông H1 là ông Nguyễn Minh H2, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số 92, đường 30/4, phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 16/01/2019).

Bị đơn: Nguyễn Văn H3, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông H2 có mặt, ông H3 vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Hoàng H1 là nguyên đơn có ông Nguyên Minh H2 là đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Ngày 12/9/2018, ông H3 vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) của ông H1, có ghi biên nhận. Ông H3 giao cho ông H1 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 sổ hộ khẩu photo chứng thực để làm tin. Ông H3 hẹn sau 07 ngày sẽ trả tiền gốc và lãi nhưng ông H3 vẫn chưa trả.

Ông H1 yêu cầu gia đình ông H3 trả tiền gốc và lãi nên ông H2 có đến gặp ông H3 nhận lại số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để đóng lãi cho ông H1.

Ông H1 nhiều lần yêu cầu ông H3 trả tiền và gia đình ông H3 hứa hẹn sẽ chuyển nhượng diện tích đất có giá trị bằng với số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) cho ông H1 nhưng đến nay gia đình ông H3 vẫn chưa thực hiện.

Ông H1 đồng ý trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 81.0 $m^2$, thửa đất số 49, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp cho ông Nguyễn Văn H3, ông H1 đã trả xong.

Nay ông Nguyễn Hoàng H1 yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn H3 trả cho ông Nguyễn Hoàng H1 số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật cho đến khi ông H3 thanh toán xong số tiền trên.

Tại phiên tòa, ông H2 là đại diện theo ủy quyền của ông H1 xác định có nhận 10.000.000 đồng của ông H3, do đó, chỉ yêu cầu ông H3 trả lại cho ông H1 90.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi ngày 12/11/2018 đến ngày 06/8/2019, với lãi suất chậm trả là 0.83%/tháng thành tiền là 7.345.500. Tổng vốn và lãi là 97.345.500 đồng và yêu cầu tính lãi đến khi ông H3 trả xong.

**Bị đơn ông Nguyễn Văn H3:** Đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng ông vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bên cạnh đó ông cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi nộp Tòa án, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau: Biên nhận 12/9/2018 (bản chính).

Các tình tiết không phải chứng minh: Bị đơn ông Nguyễn Văn H3 đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông H3 vẫn không có ý kiến phản đối những tình tiết, tài liệu mà nguyên đơn cung cấp.

Các tình tiết không thống nhất và lập luận của các bên: Không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:**

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Hoàng H1 yêu cầu ông ông Nguyễn Văn H3 phải có trách nhiệm trả cho ông H1 số tiền 90.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại 463 Bộ luật dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân. Ngoài ra, do địa chỉ của bị đơn ở huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn H3 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn H3.

**Về nội dung**:

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng H1 yêu cầu ông Nguyễn Văn H3 trả lại cho ông số tiền vay là 90.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 12/11/2018 đến ngày 06/8/2019, với lãi suất chậm trả là 0.83%/tháng thành tiền là 7.345.500. Ông H1 chứng minh bằng: Biên nhận ngày 12/9/2018 (bản chính)

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo kết quả chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp nhưng ông H3 vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, đồng thời ông H3 cũng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Căn cứ vào khoản 1, 2 và 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự có thể khẳng định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ.

Như vậy, việc ông Nguyễn Văn H3 có vay của ông Nguyễn Hoàng H1 số tiền 100.000.000 đồng như đã nói trên là có thật. Sau khi vay tiền đến nay đã trả cho ông H1 số tiền là 10.000.000 đồng, còn nợ lại ông H1 số tiền là 90.000.000 đồng và cho đến nay, ông H3 vẫn chưa trả được số tiền nói trên cho ông H1 như đã thỏa thuận.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của ông H1 là có căn cứ, nên chấp nhận. Bởi lẽ, căn cứ vào Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định"* và tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…*"

Về lãi suất: Đại diện nguyên đơn trình bày trước đây khi thỏa thuận cho vay thì các bên có thỏa thuận lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay, nhưng không ghi cụ thể mức lãi suất vào biên nhận. Nhưng khi đến hạn trả tiền vay (ngày 12/11/2018), ông H3 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền vay như đã thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng H1. Do đó, tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn

Văn H3 có nghĩa vụ trả tiền lãi theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ là 0,83%/tháng tính từ ngày 12/11/2018 đến ngày 06/8/2019 là 7.345.500 đồng xét thấy phù hợp, nên chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng H1.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn H3 có trách nhiệm chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Cụ thể, số tiền án phí được tính như sau: 97.345.500 đồng x 5% = 4.867.275 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

* Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ Luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng H1.

Buộc ông Nguyễn Văn H3 trả cho ông Nguyễn Hoàng H1 số tiền vay còn nợ là 90.000.000 đồng, số tiền lãi là 7.345.500 đồng, tổng cộng là 97.345.500 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Ông Nguyễn Văn H3 có trách nhiệm chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.867.275 đồng.

- Ông Nguyễn Hoàng H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006514 ngày 04 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các đương sự được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Riêng ông Nguyễn Văn H3 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Ngọc Minh**